



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
CHOCKFAST RED RESIN**

PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm CHOCKFAST RED RESIN

Số hiệu sản phẩm Y0016

Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên

Mục đích sử dụng đã được xác định Nhựa.

Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp

ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
mail@itwpp.com

Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm da loại 1 - H317

Nguy hại về môi trường Mẫn tính thủy sinh loại 2 - H411

Sức khỏe con người

Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

Thành phần nhân

Hình đồ



Từ cảnh báo

Cảnh báo

CHOCKFAST RED RESIN

Câu cảnh báo nguy cơ	H315 Gây kích ứng da. H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da. H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.
Câu phòng ngừa	P273 Tránh thải ra môi trường. P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp. P501 Thải bỏ hóa chất/ bình chứa theo quy định quốc gia.
Thông tin nhãn bổ sung	EUH205 Chứa thành phần epoxy. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
Bao gồm	EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)

Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)	60-100%
Số CAS: 25068-38-6	
Phân loại Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2A - H319 Mẩn cảm da loại 1 - H317 Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411	
XYLENE	1-5%
Số CAS: 1330-20-7	
Phân loại Chất lỏng dễ cháy loại 3 - H226 Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Độc tính cấp tính loại 4 - H332 Kích ứng da loại 2 - H315	
ETHYLBENZENE	1-5%
Số CAS: 100-41-4	
Phân loại Chất lỏng dễ cháy loại 2 - H225 Độc tính cấp tính loại 4 - H332 Độc tính cơ quan mục tiêu cụ thể - phơi nhiễm lặp lại loại 2 - H373 Độc tính hô hấp loại 1 - H304	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

CHOCKFAST RED RESIN

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

Thông tin chung	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Show this safety data sheet to the doctor in attendance
Sự hít phải	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Sự ăn phải	Rửa sạch miệng với nước. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế.
Tiếp xúc với da	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Cách chữa cháy

Cách chữa cháy phù hợp	Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.
-------------------------------	--

Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Những nguy hại cụ thể	Khí hoặc hơi gây kích ứng.
------------------------------	----------------------------

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy	Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Những cảnh báo cho cá nhân	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Cung cấp hệ thống thông gió tốt.
-----------------------------------	--

Các cảnh báo về môi trường

Những cảnh báo về môi trường	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	--

Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

Các phương pháp lau dọn	Hấp thụ tràn đổ bằng cát và các chất hấp thụ trơ khác. Transfer to covered steel drums for disposal. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	--

Tham khảo cho các phần khác

CHOCKFAST RED RESIN

Tham khảo cho các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Những lưu ý khi sử dụng Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Open drum carefully as content may be under pressure. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

Chú thích thành phần WEL = Workplace Exposure Limits

Quản lý phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Kiểm soát kỹ thuật phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

Bảo hộ mắt/mặt Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thấm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Các biện pháp về vệ sinh Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

Bảo hộ cho hô hấp Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Hình dáng bên ngoài Chất lỏng nhớt.

Màu sắc Không màu đến phớt vàng.

CHOCKFAST RED RESIN

Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): 7 @ 25 °C
Điểm nóng chảy	n/d°C
Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi	>138°C @
Điểm chớp cháy	>75°C
Áp suất hơi	<0.02 mmHg @ °C
Tỷ trọng tương đối	1.10 @ 20 °C°C
Tính tan	Ít tan trong nước.
Thông tin khác	Không có.
Tính dễ bay hơi của hợp chất hữu cơ	Sản phẩm này chứa hàm lượng VOC tối đa là 50 g/litre.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

Khả năng hoạt động của chất	Axit. Amin. Chất oxy hóa mạnh.
Mức độ ổn định của chất	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng gây ra phản ứng nguy hại	Không có.
Các tình trạng cần tránh	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Chất oxy hóa mạnh. Axit mạnh. Amin.
Các sản phẩm cháy nguy hại	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Vapours/gases/fumes of: Axit - hữu cơ. Andehyt.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

Thông tin về tác động của độc tính

Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 27.500,0

Độc tính cấp tính- qua hô hấp

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (khí ppmV) 90.000,0

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (hơi mg/l) 220,0

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (bụi/sương mg/l) 30,0

Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng cho mắt.

CHOCKFAST RED RESIN

Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.

Đường vào cơ thể Qua đường thở Ingestion.

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Tránh phát thải ra môi trường. Sản phẩm này chứa một chất độc hại đối với sinh vật thủy sinh và có thể gây tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Độc tính Very toxic to aquatic organisms.

EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)

Độc tính cấp tính- cá LC₅₀, 96 giờ: 2 mg/l, Onchorhynchus mykiss (Cá hồi vân)

Độc tính cấp tính- động vật thủy sinh EC₅₀, 48 giờ: 1.8 mg/l, Daphnia magna

Độc tính cấp tính- thực vật thủy sinh EC₅₀, 72 giờ: 11 mg/l, Selenastrum capricornutum

Độc tính cấp tính- vi sinh vật IC₅₀, 18 giờ: >42.6 mg/l, Bùn hoạt tính

Độc tính mãn tính- động vật thủy sinh NOEC (Nồng độ không nhận thấy tác động), 21 ngày: 0.3 mg/l, Daphnia magna

Độ bền vững và độ phân hủy

Độ bền và độ phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)

Độ bền và độ phân hủy Sản phẩm này không dễ dàng phân hủy sinh học.

Phân hủy sinh học Nước - Sự phân rã 12%: 28 ngày

Tiềm năng tích tụ sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)

Khả năng tích lũy sinh học BCF (nhân tố nồng độ sinh học): 100 - 3000,

Hệ số phân tán log Pow: 3.242

Tính di động trong đất

Tính di động Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

EPOXY RESIN (Number average MW <= 700)

Tính di động Không được cho là có tính di động.

Hệ số hấp thụ/giải hấp Thông tin của nhà cung cấp. Nước - Koc: 1800 - 4400 @ °C

Hằng số luật của Henry 4.93E-05 Pa m³/mol @ 25°C

Các tác động có hại khác

CHOCKFAST RED RESIN

Các tác động có hại khác Không có.

PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

Các biện pháp xử lý chất thải

Thông tin chung	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
Các phương pháp thải bỏ	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
Nhóm chất thải	08 04 99

PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

Chung Không có thông tin khác.

Số UN

Số UN (Đường bộ/Đường sắt)	3082
Số UN (IMDG)	3082
Số UN (ICAO)	3082

Tên vận chuyển chuẩn UN

Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700))
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700))
Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (EPOXY RESIN (Number average MW <= 700))

Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

Nhóm Đường bộ/Đường sắt	9
Nhãn Đường bộ/Đường sắt	9
Nhóm IMDG	9
Nhóm/ mục ICAO	9

Nhãn vận chuyển



Nhóm đóng gói

Nhóm đóng gói Đường bộ/Đường sắt	III
Nhóm đóng gói IMDG	III
Nhóm đóng gói ICAO	III

Các nguy hại về môi trường

CHOCKFAST RED RESIN

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh



Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

EmS F-A, S-F

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 90

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

PHẦN 15: Thông tin luật định

PHẦN 16: Thông tin khác

Ngày sửa đổi 06/04/2018

Sửa đổi 14

Ngày thay thế 03/05/2016

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
 H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.
 H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc hít phải.
 H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.
 H315 Gây kích ứng da.
 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.
 H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
 H332 Gây hại nếu hít phải.
 H373 Có thể gây hại cho cơ quan nội tạng thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
 H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.